

Tháng 8/2017

BẢN TIN

PHÁP LUẬT



Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa



Quy chế kiểm tra tài chính doanh nghiệp FDI



Cắt giảm mức thu phí, lệ phí cho doanh nghiệp



Tăng lương tối thiểu vùng năm 2018



Đóng BHXH bao gồm các khoản bổ sung khác



Kéo dài thời hạn lưu hành cho thức ăn chăn nuôi

Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Luật số 04/2017/QH14 ngày 12/06/2017 của Quốc hội về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Luật này quy định về đối tượng, nguyên tắc và chính sách hỗ trợ dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm: doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa.

"Doanh nghiệp nhỏ và vừa" là doanh nghiệp có tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) không quá 200 người và có tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng (Điều 4).

Nếu đáp ứng tiêu chí nêu trên, doanh nghiệp sẽ được nhà nước hỗ trợ thông qua các chính sách như: hỗ trợ trực tiếp bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; hỗ trợ tiếp cận tín dụng; miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước (Điều 6).

Đặc biệt, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thấp trong một thời hạn nhất định, nếu là doanh nghiệp siêu nhỏ thì được áp dụng thủ tục thuế, chế độ kế toán đơn giản hơn (Điều 10).

Ngoài ra, còn được hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trong thời hạn tối đa 5 năm, trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), doanh nghiệp có vốn nhà nước (Điều 11).

Đối với hộ kinh doanh khi chuyển đổi thành doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được miễn lệ phí làm thủ tục, lệ phí đăng ký thành lập doanh nghiệp, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu, miễn lệ phí môn bài trong 3 năm và được miễn, giảm thuế TNDN, tiền sử dụng đất trong thời hạn nhất định (Điều 16).

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

Quy chế kiểm tra tài chính doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Quyết định số 1381/QĐ-BTC ngày 24/07/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế phối hợp kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài".

Quy chế này quy định về hình thức, nội dung phối hợp giữa Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan trong kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, Cục Tài chính doanh nghiệp (thuộc Bộ Tài chính) sẽ chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan như Tổng cục Hải quan, Vụ Chính sách thuế, Vụ Đầu tư, Thanh tra Bộ Tài chính... để kiểm tra định kỳ hàng năm và kiểm tra đột xuất tình hình thực hiện chính sách tài chính tại các doanh nghiệp FDI.

Trong quá trình Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên toàn quốc, trường hợp Bộ Tài chính phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu bất thường như hoạt động thua lỗ nhưng vẫn mở rộng sản xuất kinh doanh; tính khấu hao không đúng hướng dẫn, chuyển vốn đầu tư đi nơi khác khi hết ưu đãi... Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp và các đơn vị thuộc Bộ Tài chính) phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Cục Thuế... tại địa phương để kiểm tra làm rõ, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Quy chế này.

Nội dung kiểm tra bao gồm 08 vấn đề sau:

1. Trị giá tài sản góp vốn của các bên (giá trị quyền sử dụng đất; giá trị tài sản hữu hình như máy móc, thiết bị, nhà xưởng...; tài sản cố định vô hình,...).
2. Việc sử dụng đúng mục đích về hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.
3. Tình hình thực hiện các khoản nợ (vay ngân hàng, phát hành trái phiếu của doanh nghiệp,...).
4. Trích lập, sử dụng các khoản dự phòng, khấu hao tài sản cố định, hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.
5. Việc phân chia lợi nhuận đối với phần vốn góp của nhà nước trong tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài.
6. Tình hình bảo toàn vốn góp của tổ chức kinh tế, dự án có vốn nhà nước.
7. Tình hình chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng dự án của các bên góp vốn trong doanh nghiệp.
8. Tình hình thực hiện các cam kết đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi về tài chính, hỗ trợ đầu tư (không bao gồm ưu đãi về thuế) sau khi dự án đi vào hoạt động.

Kế hoạch kiểm tra định kỳ sẽ được gửi các cơ quan, đơn vị phối hợp kiểm tra gồm các đơn vị trong Bộ Tài chính, các Sở, ban ngành ở địa phương nơi có doanh nghiệp được kiểm tra trước tháng 01 của năm tiến hành kiểm tra. Ngoài ra, kế hoạch kiểm tra được công bố và thông báo công khai trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

Thời gian kiểm tra đối với mỗi tổ chức kinh tế, dự án không quá 05 (năm) ngày làm việc.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Cắt giảm mức thu phí, lệ phí cho doanh nghiệp

Đó là một trong những nội dung theo Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 09/08/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2017.

Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các giải pháp để cắt giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, như:



- Loại bỏ ngay các thủ tục, quy định làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp;
- Rà soát, giảm chi phí tuân thủ điều kiện kinh doanh, bãi bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết, làm gia tăng chi phí cho doanh nghiệp;
- Cải tiến quy trình, thủ tục kiểm tra, kiểm dịch, kiểm soát, kiểm nghiệm, thẩm định và các hoạt động có liên quan đến cấp giấy phép và các giấy tờ khác, từ đó cắt giảm mức thu phí;
- Cắt giảm thủ tục kiểm tra chuyên ngành với mục tiêu giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành tại giai đoạn thông quan từ 30% - 35% xuống còn 15%;
- Loại bỏ ít nhất 50% số mặt hàng thuộc diện kiểm tra nhà nước trước khi thông quan;
- Giảm mức thu phí sử dụng đường bộ qua trạm BOT;
- Giảm chi phí logistic đến năm 2018 xuống 25%/GDP, đến năm 2020 xuống 20%/GDP;
- Tạm thời chưa tăng mức đóng bảo hiểm y tế để không tạo sức ép, không tăng chi phí đối với doanh nghiệp và người lao động.



Lương tối thiểu vùng 2018: Tăng bình quân 6,5% so với năm 2017

Ngày 07/08/2017, Hội đồng tiền lương Quốc gia đã chốt mức lương tối thiểu vùng năm 2018, với mức cụ thể như sau:

- Vùng I: 3.980.000 đồng/tháng: Tăng 230.000 đồng (6,1%) so với quy định hiện hành;
- Vùng II: 3.530.000 đồng/tháng: Tăng 210.000 đồng (6,3%) so với quy định hiện hành;
- Vùng III: 3.090.000 đồng/tháng: Tăng 190.000 đồng (6,6%) so với quy định hiện hành;
- Vùng IV: 2.760.000 đồng/tháng: Tăng 180.000 đồng (7,0%) so với quy định hiện hành.

Như vậy, tính bình quân chung 4 vùng, mức tăng lương tối thiểu vùng năm 2018 được Hội đồng tiền lương Quốc gia đề xuất tăng khoảng 6,5% so với năm 2017.

Phương án tăng lương tối thiểu vùng năm 2018 này sẽ được trình lên Chính phủ để ban hành Nghị định mới về lương tối thiểu vùng 2018.

Nghị định mới sẽ thay thế Nghị định số 153/2016/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (áp dụng kể từ ngày 01/01/2018).

Thức ăn chăn nuôi hết hạn lưu hành từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2017 sẽ được kéo dài thêm 18 tháng

Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18/08/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Nghị định bổ sung khoản 5a vào Điều 29 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP nhằm tăng thời hạn lưu hành thêm 18 tháng đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản hết hiệu lực lưu hành trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2017.

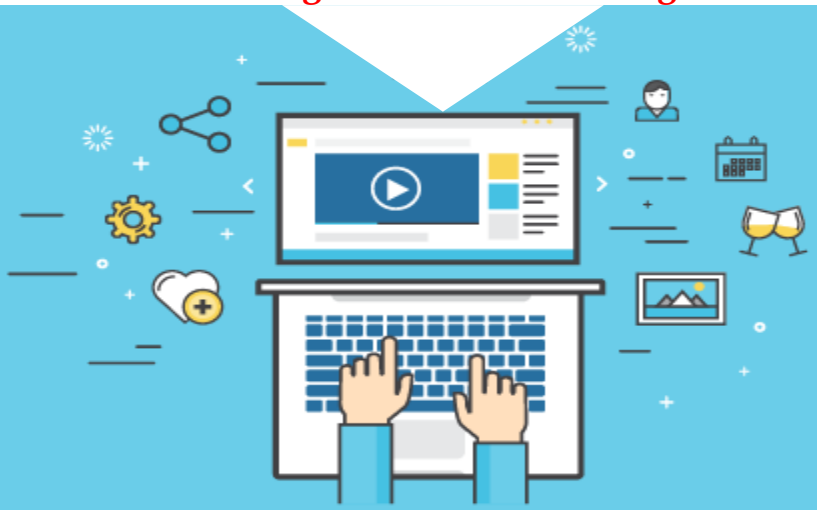
Như vậy, những mặt hàng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản nào hết hiệu lực lưu hành trong khoảng thời

gian từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2017 sẽ có cơ hội lưu hành thêm 18 tháng.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Từ 2018, tiền lương tính đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH) sẽ bao gồm cả Khoản bổ sung khác



Sau khi "Phụ cấp lương" đã phải tính đóng BHXH từ năm 2016, các "Khoản bổ sung khác" tiếp tục đưa vào tính đóng BHXH từ năm 2018 theo đúng lộ trình đã vạch ra từ trước tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP.

Theo Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP, tiền lương của một hợp đồng lao động sẽ bao gồm:

- Mức lương;
- Phụ cấp lương;
- Các khoản bổ sung khác.

Theo giải thích tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH thì các khoản bổ sung khác được hiểu là:

Các khoản bổ sung xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và **trả thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương.**

Các khoản bổ sung không xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động, trả thường xuyên hoặc không thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương **gắn với quá trình làm việc, kết quả thực hiện công việc** của người lao động.

Tuy nhiên, các khoản sau đây sẽ không bị xem là "Các khoản bổ sung khác" nếu được ghi ở mục Riêng của hợp đồng lao động:

- Tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động, tiền thưởng sáng kiến;
- Tiền ăn giữa ca;
- Các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ;
- Hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động;
- Trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- Các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác.

(Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015).

LƯU Ý:

"Bản tin này được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin cho quý khách hàng. Mặc dù chúng tôi rất chú trọng tới vấn đề đảm bảo tính chính xác, tuy nhiên những thông tin được cung cấp thông qua bản tin này không mang tính toàn diện tuyệt đối và quý khách hàng nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi áp dụng".